

Số: 507 /QĐ-CT

Vĩnh Phúc, ngày 07 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp & PTNT**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 48/TTr-SNN&PTNT ngày 24/02/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 04 danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 02 danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ và phê duyệt 04 quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng

nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp & PTNT (*Chi tiết tại Phụ lục 01, 02, 03,04 kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Bãi bỏ 03 danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản số thứ tự 2, 3, 4 tại Mục I, Phần B thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp & PTNT được công bố tại Quyết định số 2149/QĐ-CT ngày 21/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp & PTNT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bãi bỏ 03 danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản số thứ tự 2, 3, 4 Mục B, Phần I thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được công bố tại Quyết định số 2194/QĐ-CT ngày 28/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bãi bỏ 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính số thứ tự 38, 39, 40 phần V lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1310/QĐ-CT ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

- Bãi bỏ 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính số thứ tự 15, 16, 17 phần V lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định số 1555/QĐ-CT ngày 16/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa cấp huyện.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, đơn vị xây dựng phần mềm xây dựng quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh (*Phần mềm một cửa, dịch vụ công trực tuyến*) để áp dụng thống nhất; Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính lên Hệ thống

thông tin một cửa điện tử theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC- Văn phòng Chính phủ;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Như Điều 3;
  - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
  - Cổng thông tin - GTĐT tỉnh;
  - VNPT Vĩnh Phúc;
  - Lưu: VT, KSTT. ✓
- (L- 45b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Vũ Việt Văn**

**Phụ lục 01****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CT ngày /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	DVC trực tuyến	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>							
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	<i>15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc)	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.vinhphuc.gov.vn	Toàn trình	Phí thẩm định: 700.000 đồng/cơ sở.	Điều 1 Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số thông tư quy định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo số thứ tự I, Mục B, Phần II phụ lục kèm theo Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn).	<i>15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc (Số 5, đường Nguyễn Trãi, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.vinhphuc.gov.vn	Toàn trình	Phí thẩm định: 700.000 đồng/cơ sở.	Điều 1 Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số thông tư quy định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo số thứ tự II, Mục B, Phần II phụ lục kèm theo Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
<b>II</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp huyện</b>							

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	DVC trực tuyến	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	<i>15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.vinhphuc.gov.vn	Một phần	Phí thẩm định: 700.000 đồng/cơ sở.	Điều 1 Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số thông tư quy định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo số thứ tự I, Mục B, Phần II phụ lục kèm theo Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn).	<i>15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.vinhphuc.gov.vn	Một phần	Phí thẩm định: 700.000 đồng/cơ sở.	Điều 1 Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số thông tư quy định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo số thứ tự II, Mục B, Phần II phụ lục kèm theo Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

**Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung có sửa đổi, bổ sung**

**Phụ lục 02**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CT ngày /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

TT	Mã hồ sơ thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>I Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>					
1	2.001819.000.00.00.H62	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm)	- Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT.
<b>II Thủ tục hành chính cấp huyện</b>					
1	2.001819.000.00.00.H62	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm)	- Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản	UBND cấp huyện

**Phụ lục 03**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**  
**TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CT ngày /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

**1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

**Mã TTHC: 2.001827.000.00.00.H62**

<b>Trình tự thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Người/cơ quan thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Kết quả</b>
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ như quy định: Tiếp nhận hồ sơ; in giấy tiếp nhận hồ sơ gửi cho người nộp (<i>trong đó ghi rõ thành phần, số lượng hồ sơ đã nhận và ngày trả kết quả</i>); quét scan và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn của Chi cục theo lĩnh vực chuyên ngành xử lý (<i>Phòng chuyên môn được giao của Chi cục: Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản</i>).</li> <li>- Hướng dẫn bổ sung hồ sơ (<i>nếu không đủ điều kiện tiếp nhận</i>).</li> <li>- Thu phí, lệ phí (<i>nếu có</i>).</li> </ul>	Công chức Sở Nông nghiệp & PTNT được phân công tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.	0,5 ngày	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ Phiếu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ/ Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ/ Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn.	01 ngày	Đã chuyển công chức xử lý.
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, trình duyệt, chuyển đến người duyệt hồ sơ.	Công chức được giao xử lý hồ sơ.	10,5 ngày	Kết quả thẩm định: - Đủ điều kiện giải quyết: Tổ chức thẩm định hồ sơ. - Không đủ điều kiện giải quyết: Trả lại hồ sơ bằng văn bản, nêu rõ lý do yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
Bước 4	Xem xét dự thảo văn bản.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn.	01 ngày	Dự thảo đã được xem xét, ký nháy, trình duyệt.

Bước 5	Lãnh đạo Chi cục kiểm tra, xem xét dự thảo và ký ban hành kết quả giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Chi cục.	01 ngày	Kết quả TTHC đã được ký duyệt, chuyên đóng dấu, trả kết quả.
Bước 6	Lấy số, đóng dấu, lưu; chuyển giao kết quả cho công chức Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.	Văn thư hoặc công chức được phân công.	0,5 ngày	Văn bản đã lấy số, đóng dấu, gửi cho công chức Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.
Bước 7	Nhận, trả kết quả cho tổ chức/công dân.	Công chức Sở Nông nghiệp & PTNT được phân công tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.	0,5 ngày	- Thông báo cho tổ chức/công dân. - Trả kết quả cho tổ chức/công dân.
<b>Tổng thời gian giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</b>				

**2. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)**

**Mã TTHC: 2.001823.000.00.00.H62**

Trình tự thực hiện	Nội dung công việc	Người/cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả
Bước 1	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ như quy định: Tiếp nhận hồ sơ; in giấy tiếp nhận hồ sơ gửi cho người nộp ( <i>trong đó ghi rõ thành phần, số lượng hồ sơ đã nhận và ngày trả kết quả</i> ); quét scan và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn của Chi cục theo lĩnh vực chuyên ngành xử lý ( <i>Phòng chuyên môn được giao của Chi cục: Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản</i> ). - Hướng dẫn bổ sung hồ sơ ( <i>nếu không đủ điều kiện tiếp nhận</i> ). - Thu phí, lệ phí, (nếu có).	Công chức Sở Nông nghiệp & PTNT được phân công tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.	0,5 ngày.	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả/ Phiếu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ/ Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ/ phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn.	01 ngày.	Đã chuyển cán bộ xử lý.



Bước 3	Thẩm định hồ sơ, trình duyệt, chuyển đến người duyệt hồ sơ.	Công chức được giao xử lý hồ sơ.	10,5 ngày.	Kết quả thẩm định: - Đủ điều kiện giải quyết: Tổ chức thẩm định hồ sơ. - Không đủ điều kiện giải quyết: Trả lại hồ sơ bằng văn bản, nêu rõ lý do yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
Bước 4	Xem xét dự thảo văn bản.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn.	01 ngày.	Dự thảo đã được xem xét, ký nháy, trình duyệt.
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục kiểm tra, xem xét dự thảo và ký ban hành kết quả giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Chi cục.	01 ngày.	Kết quả TTHC đã được ký duyệt, chuyên đóng dấu, trả kết quả.
Bước 6	Lấy số, đóng dấu, lưu; chuyển giao kết quả cho công chức Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.	Văn thư hoặc công chức được phân công.	0,5 ngày.	Văn bản đã lấy số, đóng dấu, gửi cho công chức Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.
Bước 7	Nhận, trả kết quả cho tổ chức/công dân.	Công chức Sở Nông nghiệp & PTNT được phân công tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.	0,5 ngày.	- Thông báo cho tổ chức/công dân. - Trả kết quả cho tổ chức/công dân.
<b>Tổng thời gian giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</b>				

**Phụ lục 04**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP HUYỆN**  
**TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA UBND CẤP HUYỆN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CT ngày /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

**1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**  
**Mã TTHC: 2.001827.000.00.00.H62**

<b>Trình tự thực hiện</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Người/cơ quan thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Kết quả</b>
Bước 1	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ như quy định: Tiếp nhận hồ sơ; in giấy tiếp nhận hồ sơ gửi cho người nộp ( <i>trong đó ghi rõ thành phần, số lượng hồ sơ đã nhận và ngày trả kết quả</i> ); quét scan và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý ( <i>Phòng Nông nghiệp và PTNT/ Phòng Kinh tế của UBND cấp huyện</i> ). - Hướng dẫn bổ sung hồ sơ ( <i>nếu không đủ điều kiện tiếp nhận</i> ). - Thu phí, lệ phí ( <i>nếu có</i> ).	Công chức được phân công tại Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện.	0,5 ngày	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả gửi công dân/tổ chức. - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ( <i>nếu hồ sơ chưa đầy đủ</i> ). - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ ( <i>nếu không thuộc trường hợp giải quyết</i> )
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo phòng Nông nghiệp và PTNT/ Phòng Kinh tế.	01 ngày	Đã chuyển công chức xử lý.
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản về kết quả giải quyết; chuyển đến người duyệt hồ sơ.	Công chức được giao xử lý hồ sơ.	10,5 ngày	- Đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo kết quả. - Không đủ điều kiện giải quyết: Văn bản trả từ chối/trả lại hồ sơ, nêu rõ lý do, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và kèm theo hồ sơ đã nhận.
Bước 4	Lãnh đạo phòng kiểm tra, duyệt dự thảo chuyển đến người duyệt kết quả.	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT/ Phòng Kinh tế.	01 ngày	Đã ký nháy, chuyển lãnh đạo UBND cấp huyện.

Bước 5	Lãnh đạo UBND cấp huyện kiểm tra, xem xét dự thảo và ký duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo UBND cấp huyện	01 ngày	Kết quả TTHC đã được ký duyệt.
Bước 6	Lấy số, đóng dấu, cập nhật kết quả điện tử lên hệ thống phần mềm một cửa điện tử, lưu trữ (nếu có); chuyển giao kết quả.	Văn thư/công chức UBND cấp huyện được phân công.	0,5 ngày	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã đóng dấu; giao cho Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện.
Bước 7	Nhận, trả kết quả cho công dân/tổ chức.	Công chức được phân công tại Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện.	0,5 ngày	- Thông báo cho công dân/tổ chức; - Trả kết quả cho công dân/tổ chức.
<b>Tổng thời gian giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</b>				

**2. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn).**

**Mã TTHC: 2.001823.000.00.00.H62**

Trình tự thực hiện	Nội dung công việc	Người/cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả
Bước 1	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ như quy định: Tiếp nhận hồ sơ; in giấy tiếp nhận hồ sơ gửi cho người nộp (trong đó ghi rõ thành phần, số lượng hồ sơ đã nhận và ngày trả kết quả); quét scan và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý (Phòng Nông nghiệp và PTNT/ Phòng Kinh tế của UBND cấp huyện). - Hướng dẫn bổ sung hồ sơ (nếu không đủ điều kiện tiếp nhận). - Thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức được phân công tại Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện.	0,5 ngày	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả gửi công dân/tổ chức. - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ). - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu không thuộc trường hợp giải quyết)
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo phòng Nông nghiệp và PTNT/ Phòng Kinh tế.	01 ngày	Đã chuyển cán bộ xử lý.
Bước 3	Thẩm định hồ sơ, dự thảo văn bản về kết quả giải quyết; chuyển đến người duyệt hồ sơ.	Công chức được giao xử lý hồ sơ.	10,5 ngày	- Đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo kết quả. - Không đủ điều kiện giải quyết: Văn bản trả từ chối/trả lại hồ sơ, nêu rõ lý do, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và kèm theo hồ sơ đã nhận.

Bước 4	Lãnh đạo phòng kiểm tra, duyệt dự thảo chuyển đến người duyệt kết quả.	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT/ Phòng Kinh tế.	01 ngày	Đã ký nháy, chuyển lãnh đạo UBND cấp huyện.
Bước 5	Lãnh đạo UBND cấp huyện kiểm tra, xem xét dự thảo và ký duyệt kết quả giải quyết TTHC.	Lãnh đạo UBND cấp huyện	01 ngày	Kết quả TTHC đã được ký duyệt.
Bước 6	Lấy số, đóng dấu, cập nhật kết quả điện tử lên hệ thống phần mềm một cửa điện tử, lưu trữ (nếu có); chuyển giao kết quả.	Văn thư/công chức UBND cấp huyện được phân công.	0,5 ngày	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã đóng dấu; giao cho Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện.
Bước 7	Nhận, trả kết quả cho công dân/tổ chức.	Công chức được phân công tại Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện.	0,5 ngày	- Thông báo cho công dân/tổ chức; - Trả kết quả cho công dân/tổ chức.
<b>Tổng thời gian giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</b>				